

Bản án số: **27/2024/HNGĐ-ST**  
Ngày: 29-3-2024  
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Trang**.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Nguyễn Lương Khoa**.

2. Ông **Phạm Quang Nghĩa**.

*- Thư ký phiên tòa:* Bà **Đinh Thị Hạ** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc tham gia phiên tòa:*  
Ông **Hoàng Anh Đức** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 800/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2023, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2024/QĐST- HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1971, *vắng mặt*.

Địa chỉ: **Tổ A, khu phố C, thị trấn G, huyện X, tỉnh Đồng Nai**.

2. Bị đơn: Anh **Lê Trung C**, sinh năm 1970, *vắng mặt*.

Địa chỉ: **Tổ A, khu phố C, thị trấn G, huyện X, tỉnh Đồng Nai**.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/11/2023, bản tự khai, nguyên đơn chị **Nguyễn Thị T** trình bày:*

Trên cơ sở tự nguyện chị và anh **Lê Trung C** sống chung và đăng ký kết hôn vào năm 1992, tại **xã U nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai**. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống và tính cách nên hay cãi nhau. Mâu thuẫn kéo dài làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Nay chị không còn tình cảm yêu thương với anh **Lê Trung C**, nên không thể hàn gắn để tiếp tục sống chung. Do đó, chị yêu cầu được ly hôn với anh **Lê Trung C**.

Về con chung: Chị và anh [Lê Trung C](#) có 03 người con chung là [Lê Hoài T1](#) sinh ngày 04/8/1993, [Lê Minh C1](#) sinh ngày 27/6/1996 và Lê Trung Hiếu sinh ngày 04/3/2006. Các con chung đều đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- *Bị đơn anh [Lê Trung C](#) lời trình bày:*

Anh thống nhất với lời trình bày của chị [Nguyễn Thị T](#) về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn, con chung giữa anh và chị [Nguyễn Thị T](#). Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do anh có người phụ nữ khác ở bên ngoài, dẫn đến việc chị [Nguyễn Thị T](#) ghen tuông, nhưng anh đã nhận ra sai lầm của mình và sửa chữa, anh vẫn là người chồng, người cha có trách nhiệm. Do anh còn yêu thương vợ con nên không đồng ý ly hôn với chị [Nguyễn Thị T](#).

Về con chung: Anh và chị [Nguyễn Thị T](#) có 03 người con chung như chị [Nguyễn Thị T](#) trình bày, các con đều đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc phát biểu ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị [Nguyễn Thị T](#) được ly hôn với anh [Lê Trung C](#); về con chung: Đã trưởng thành và có khả năng lao động nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết; tài sản chung không xem xét giải quyết. Nợ chung: không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị [Nguyễn Thị T](#) yêu cầu ly hôn với anh [Lê Trung C](#) nên xác định quan hệ pháp luật là “*Ly hôn*”; anh [Lê Trung C](#) có nơi cư trú tại [khu phố C, thị trấn G, huyện X, tỉnh Đồng Nai](#). Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị [Nguyễn Thị T](#) có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt; anh [Lê Trung C](#) đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị [Nguyễn Thị T](#) và anh [Lê Trung C](#) là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị [Nguyễn Thị T](#) và anh [Lê Trung C](#) tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và đã được [Ủy ban nhân dân xã X, huyện](#)

X, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào năm 1992, nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Chị Nguyễn Thị T yêu cầu được ly hôn với anh Lê Trung C vì cho rằng cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau; anh Lê Trung C thừa nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do anh có người phụ nữ khác, nhưng anh đã tự sửa chữa sai lầm của mình, mong muốn vợ chồng đoàn tụ cùng nuôi dạy con cái; anh và chị Nguyễn Thị T tuy còn sống chung một nhà nhưng không có quan hệ vợ chồng, nên vợ chồng mâu thuẫn. Quá trình làm việc tại Tòa án, chị Nguyễn Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, nên không hòa giải đoàn tụ được. Chứng tỏ, tình trạng hôn nhân của chị Nguyễn Thị T và anh Lê Trung C mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị T là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Trung C có 03 người con chung là Lê Hoài T1 sinh ngày 04/8/1993, Lê Minh C1 sinh ngày 27/6/1996 và Lê Trung Hiếu sinh ngày 04/3/2006. Các con chung đến nay đều đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Trung C không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Trung C khai không có nợ chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

[8] Nhận định của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc phù hợp nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 36, khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

#### **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Lê Trung C.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Trung C có 03 người con chung là Lê Hoài T1 sinh ngày 04/8/1993, Lê Minh C1 sinh ngày 27/6/1996 và Lê Trung Hiếu sinh ngày 04/3/2006. Các con chung đều đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không giải quyết.

4. Về nợ chung: Không giải quyết.

5. Về án phí: Chị [Nguyễn Thị T](#) phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí chị [Nguyễn Thị T](#) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc theo biên lai thu số 0009052 ngày 07/11/2023 được tính trừ vào án phí. Chị [Nguyễn Thị T](#) đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Chị [Nguyễn Thị T](#), anh [Lê Trung C](#) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Xuân Lộc;
- Chi cục THADS huyện Xuân Lộc;
- UBND cấp **xã nơi ĐKKH**;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Trang**